TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **53**/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 23/8/2023
V/v "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Lâm Thanh Điền**
Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Ngô Rạng Đông**
2. Ông **Dương Tấn Đấu**

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông **Đặng Đình Toàn**- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc: Ông **Hoàng V Thái** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phú Quốc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 110/2023/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 4 năm 2023, về việc: ***"Xin ly hôn"***.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 07 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn***: Ông **Trần Quốc V,** sinh năm 1959 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 3, ấp BG, xã CD, Tp. PQ, KG.

**** Bị đơn***: Bà **Nguyễn Thị Th** sinh năm 1964 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 3, ấp BG, xã CD, Tp. PQ, KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên hòa giải nguyên đơn ông Trần Quốc V trình bày:***

Vào năm 1985 ông V và bà Nguyễn Thị Th tự tìm hiểu và yêu thương nhau chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CD, huyện PQ (Nay là thành phố PQ), tỉnh KG theo giấy chứng nhận kết hôn số 91, cấp ngày 18/8/2020.

Quá trình chung sống vợ chồng có 03 người con chung Trần Thị X, sinh năm 1987; Trần Thị H, sinh năm 1994 và Trần Thị L, sinh năm 1999.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống vui vẻ hạnh phúc, nhưng đến năm 2018 tình cảm vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, cải vã nhau, bất đồng ý kiến với nhau trong cuộc sống làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt, không có hạnh phúc vì mỗi lần ông V ốm đau bà Th không hỏi han chăm sóc, vì nghĩ đến tương lai của các con nên ông Th đã hàn gắn tình cảm vợ chồng để gia đình hạnh phúc nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, hiện nay không còn ai quan tâm đến cuộc sống của nhau và sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được nên ông V yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau đây:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Th.

- Về con chung: Quá trình chung sống ông V và bà Th có 03 người con chung Trần Thị X, sinh năm 1987; Trần Thị H, sinh năm 1994 và Trần Thị L, sinh năm 1999. Hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

-Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, Không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông V cam kết vợ chồng không có nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị Th từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án bà Th đã được tống đạt hợp lệ các V bản tố tụng nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận ý kiến của bà Th được.*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc có ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán đúng quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như: Xác định đúng quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, thu thập đầy đủ chứng cứ đúng quy định pháp luật, tống đạt các V bản cho đương sự và giao hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn.

Về thụ lý vụ án: Đương sự nộp đơn yêu cầu về việc miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí nhưng đến ngày 06/4/2023 Tòa án mới ra Thông báo thụ lý vụ án để giải quyết là vi phạm khoản 3 Điều 195 BLTTDS quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa đúng trình tự theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Đối với nguyên đơn ông Trần Quốc V có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 BLTTDS năm 2015 đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt ông V.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng bà Th vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS năm 2015 đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt bà Th.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- ***Về quan hệ hôn nhân***: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Quốc V.

- **Về con chung**: Quá trình chung sống ông V và bà Th có 03 người con chung Trần Thị X, sinh năm 1987; Trần Thị H, sinh năm 1994 và Trần Thị L, sinh năm 1999. Hiện nay các con đã trưởng thành ông V không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Đề nghị HĐXX miễn xét

-**Về tài sản chung**: Vợ chồng tự thỏa thuận, Không yêu cầu tòa án giải quyết. Đề nghị HĐXX miễn xét.

- **Về nợ chung**: Ông V cam kết vợ chồng không có nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đề nghị HĐXX miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận nghị án Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Trần Quốc V có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 BLTTDS năm 2015 nên HĐXX xét xử vắng mặt ông V là phù hợp theo quy định.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Th đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng bà Th vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bà Thân.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn ông Trần Quốc V khởi kiện yêu cầu xin ly hôn. Quy định pháp luật để giải quyết vụ án này là Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Tại đơn khởi kiện và các chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện. Thời gian đầu vợ chồng chung sống vui vẻ hạnh phúc, nhưng đến năm 2018 tình cảm vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, cải vã nhau, bất đồng ý kiến với nhau trong cuộc sống, không có hạnh phúc vì mỗi lần ông V ốm đau bà Th không hỏi han chăm sóc, vì nghĩ đến tương lai của các con nên ông Th đã hàn gắn tình cảm vợ chồng để gia đình hạnh phúc nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, hiện nay không còn ai quan tâm đến cuộc sống của nhau và sống ly Th từ năm 2018 cho đến nay. HĐXX nhận thấy ông V bà Th kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện yêu thương nhau, tuy nhiên quá trình chung sống ông V và bà Th thường phát sinh mâu thuẫn, không có tiếng nói chung dẫn đến tình cảm vợ chồng không có hạnh phúc, mặc dù đã hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không có kết quả do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 HĐXX chấp nhận yêu cầu của ông Trần Quốc V được ly hôn với bà Nguyễn Thị Th.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống ông V và bà Th có 03 người con chung Trần Thị X, sinh năm 1987; Trần Thị H, sinh năm 1994 và Trần Thị L, sinh năm 1999, hiện nay các con đã trưởng thành ông V không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

***[5]* Về công nợ chung**: Ông V cam kết trong suốt quá trình chung sống vợ chồng không có nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng. Nếu có phát sinh tranh chấp vợ chồng tự chịu trách nhiệm trước pháp luật nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6] Về án phí: Ông Trần Quốc V là người cao tuổi không phải chịu án phí theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 227, 228, 238, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng: Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quốc V về việc được ly hôn với bà Nguyễn Thị Th.

2. Về con chung: Ông Trần Quốc V và bà Nguyễn Thị Th có 03 người con chung Trần Thị X, sinh năm 1987; Trần Thị H, sinh năm 1994 và Trần Thị L, sinh năm 1999, hiện nay các con đã trưởng thành ông V không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

3. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

4. Về công nợ chung: Ông V cam kết trong suốt quá trình chung sống vợ chồng không có nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng. Nếu có phát sinh tranh chấp vợ chồng tự chịu trách nhiệm trước pháp luật nên Hội đồng xét xử miễn xét.

5.Về án phí: Ông Trần Quốc V và bà Nguyễn Thị Th không phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết tại địa phương nơi cư trú để xin xét xử phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh KG.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh KG;
- VKSND thành phố PQ;
- Chi cục THA dân sự thành phố PQ;
- Ủy ban nhân dân xã CD, Tp Phú Quốc, tỉnh KG
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lâm Thanh Điền